

KHOAN DUNG HỒ CHÍ MINH

ThS. VŨ TRUNG KIÊN (*)

ThS. HÀ MINH HOÀN (**)

Tóm tắt: Nội dung bài viết phân tích, làm rõ truyền thống khoan dung - nét đặc sắc của tinh hoa văn hóa Việt Nam và sự tiếp nối truyền thống này trong tư tưởng khoan dung của Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam trong vấn đề hòa hợp dân tộc.

Từ khóa: khoan dung; Hồ Chí Minh; Đảng Cộng sản Việt Nam; hòa hợp dân tộc

1. Khoan dung Hồ Chí Minh - sự kết tinh của văn hóa dân tộc Việt Nam

Khoan dung là bản chất của dân tộc Việt Nam. Điều gì đã làm cho một dân tộc phải chịu nhiều đau khổ từ các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc vẫn giữ được tinh thần nhân ái, khoan dung, hòa hiếu như dân tộc Việt Nam? Câu hỏi không dễ trả lời, nhưng cũng không phải là không thể.

Việt Nam nằm ở cửa ngõ của sự giao lưu văn hóa từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam. Đặc biệt, Việt Nam nằm giữa hai nền văn minh lớn của nhân loại, đó là Trung Hoa và Ấn Độ. Từ khi thành lập quốc gia - dân tộc, Việt Nam đã luôn chủ động tiếp thu những giá trị tốt đẹp của văn hóa nhân loại. Bởi vậy, khoa thi Nho học đầu tiên của Việt Nam tổ chức năm Thái Ninh thứ 4 triều Lý Nhân Tông (Ất Mão - 1075) là khoa thi Tam giáo đồng nguyên (gồm Nho, Phật và Lão). Tất nhiên, các học thuyết của Nho giáo, Phật giáo và sau này là Thiên Chúa giáo khi được truyền bá vào Việt Nam đã được Việt hóa, bản địa hóa để phù hợp với tâm hồn, tính cách và đặc điểm của dân tộc Việt Nam. Cũng bởi lòng bao dung ấy mà ở Việt Nam hầu như rất ít, nếu không muốn nói là không có xung đột giữa các tôn giáo.

Trong lịch sử, mỗi khi đánh thắng giặc ngoại xâm, các triều đại phong kiến Việt Nam đều ban hành chính sách không chỉ để ổn định, cấu kết lòng dân, hòa hợp dân tộc, mà còn thể hiện bao dung, hòa hiếu với cả kẻ thù.

Hơn 7 thế kỉ trước, Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông, sau khi lãnh đạo quân dân Đại Việt đánh tan cuộc xâm lăng lần thứ ba (năm 1288) của giặc Nguyên, thu được hòm tỳ biểu của những người Việt gửi cho quân Nguyên để xin được làm quan (ta có thể gọi đó là Việt gian phản quốc), Thượng hoàng và nhà vua đã có một quyết định “vô tiền, khoáng hậu”: Ra lệnh đốt hết các bức thư ấy và không truy cứu một ai. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép rằng, “Thượng hoàng sai đốt đi để yên lòng những kẻ phản trắc”⁽¹⁾.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược ở thế kỉ XV, Lê Lợi - vị thủ lĩnh của nghĩa quân luôn chăm chú vỗ về và rất lưu ý tình đoàn kết quân dân; đồng thời, luôn tạo điều kiện để những kẻ lầm đường, lạc lối “đái công, chuộc tội”: “Đối với những người lầm đường theo giặc, nếu hỏi cải trở về với Tổ quốc thì tha thứ cho đái tội lập công”⁽²⁾. Đặc biệt, sau khi quân Minh chịu thua và rút khỏi nước ta, trước tội ác “trời không dung, đất không tha” của giặc trong những năm đô hộ dân ta, rất nhiều người khuyên nhà vua hãy giết số quân Minh đã đầu hàng. Trước những lời khuyên ấy, Lê Lợi đã tuyên bố: “Việc phục thù trả oán là thường tình của mọi người, nhưng không ưa giết người là

(*) Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(**) Trường Chính trị tỉnh Yên Bái

bản tính của người nhân. Huống chi người ta đã hàng, mà mình lại giết chết thì còn gì bất tường hơn nữa. Ví bằng giết đi cho hả giận một lúc để gánh lấy tiếng xấu giết kẻ hàng mai tới muôn đời, chi bằng hãy cho sống ức vạn mạng người để dứt mối chiến tranh đến muôn thuở, công việc sẽ chép vào sử xanh, tiếng thơm sẽ truyền mãi tới ngàn thu, há chẳng lớn ư!”⁽³⁾.

Cũng vậy, sau khi chiến thắng giặc Thanh xâm lược, không những chiêu nạp, nuôi dưỡng tất cả tù binh và tàn binh quân Thanh, vua Quang Trung đã sai thu nhặt xác quân Thanh trên các chiến trường chôn cất và lập đàn cúng tế. Bài văn tế của nhà vua trước năm mồ quân xâm lược đã biểu thị tấm lòng khoan dung, độ lượng của người chiến thắng: “Nay ta: Sai thu nhặt xương cốt chôn vùi/Bảo lập đàn bên sông cúng tế/Lòng ta thương chẳng kể người phương Bắc/Xuất của kho mà đắp điểm đồng xương khô/Hồn các người không vợ vẫn ở trời Nam, hãy lên đường mà quay về nơi hương chí/Nên kính ngưỡng ta đây là chủ, chan chứa lòng thành/Nhưng mong sao đáp lại đạo trời, dạt dào lễ sống”⁽⁴⁾.

Nguyễn Tất Thành sinh ra trong bối cảnh nước mất, nhà tan, ra đi tìm đường cứu nước khi phong trào của các sĩ phu, trí thức và lãnh tụ khởi nghĩa nông dân đương thời đã đi vào ngõ cụt. Mang trong mình dòng máu yêu nước, thương dân cháy bỏng, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã bắt gặp Chủ nghĩa Mác - Lênin để rồi từ đây tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Trên hành trình gian lao ấy, Người đã tiếp thu giá trị của nhiều nguồn tư tưởng, lí luận khác nhau: từ tư tưởng tiến bộ của Nho giáo, Phật giáo, đến tư tưởng duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn tôn trọng những quan điểm khác nhau của các tư tưởng và tìm thấy trong các tư tưởng này những nét tương đồng là cùng mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã đi qua và dừng chân ở nhiều châu lục khác nhau, tiếp xúc với nhiều lớp người trong xã hội, nên Người rất hiểu nỗi đau khổ của những con người bị áp bức: “Dù màu da có khác nhau, trên đời

này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”⁽⁵⁾. Bởi vì, tận mắt chứng kiến nên Nguyễn Ái Quốc đã rút ra một chân lí rằng, nhân dân lao động ở đâu cũng là bạn, chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù. Từ đó, Người đã đi đến một quyết định dứt khoát: Đấu tranh để giải phóng dân tộc, giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công, để con người được hưởng đầy đủ những quyền làm người.

Trong bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người đã dẫn lại lời bất hủ trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Người cũng khẳng định: “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁽⁶⁾.

Như vậy, khoan dung Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống khoan dung, nhân nghĩa, hòa hiếu của dân tộc Việt Nam, từ sự tiếp thu tinh hoa của các nền văn hóa trên thế giới.

2. Nét đặc sắc chính yếu trong tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh

Khoan dung, độ lượng trong tư tưởng Hồ Chí Minh là luôn nhìn thấy những phần tốt đẹp trong mỗi con người. Người nói: “Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng của nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ”⁽⁷⁾. Tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh được thể hiện bằng hành động cụ thể: Năm 1945, khi Cách mạng Tháng Tám thành công, sau khi vua Bảo Đại thoái vị, đã được mời làm cố vấn tối cao của Chính phủ. Không những vậy, cố vấn Vĩnh Thụy còn được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại đơn vị bầu cử tỉnh Thanh Hóa và đã trúng cử, đồng thời được chỉ định tham gia thành viên Ban soạn thảo Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại của dân tộc, từ tư tưởng khoan dung của Người đã có hàng loạt các

vị quan lại của triều đình phong kiến đi theo cách mạng, như Khâm sai đại thần Phan Kế Toại, Đồng lý Ngự tiền Phạm Khắc Hòe, Tham tri Đặng Văn Hượng, Thượng thư Bùi Bằng Đoàn, Tổng đốc Vi Văn Định...

Ngày 31/5/1946, trong *Thư gửi đồng bào Nam bộ* trước khi lên đường sang thăm nước Pháp và dự Hội nghị Fontainebleau, Người viết: “Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang...”⁽⁸⁾.

Tấm lòng khoan dung của Hồ Chí Minh không chỉ đối với người Việt Nam mà còn đối với cả kẻ thù. Đối với những người ngã xuống vì chiến tranh, Người thương xót cho sự hi sinh của chiến sĩ mình bao nhiêu thì cũng ngậm ngùi bấy nhiêu trước những mất mát của những người đi xâm lược đã tử trận. Bởi, Người luôn quan niệm máu của người Việt Nam hay máu người Pháp cũng đỏ như nhau. Người viết: “Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt Nam, đã vì Tổ quốc mà hy sinh tính mệnh. Tôi cũng ngậm ngùi thương xót cho những người Pháp đã tử vong. *Than ôi*, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cùng đều là máu, người Pháp hay người Việt cùng đều là người”⁽⁹⁾.

Ngay cả đối với nước Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chủ trương xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp. Khi Mỹ thất bại và phải ngồi vào bàn đàm phán, Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Mỹ là nước lớn đứng đầu thế giới tư bản, buộc phải ngồi đàm phán, thương lượng đã là thất bại rồi, vì thế Bác yêu cầu là không được làm Mỹ mất mặt. Phải tế nhị, khéo léo, lúc cương, lúc nhu thì mới gọi là đàm phán hòa bình, mới đạt kết quả”⁽¹⁰⁾.

Đối với các tôn giáo, Hồ Chí Minh luôn tôn trọng đức tin của những người có đạo, khẳng định ưu điểm của các tôn giáo: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giê su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giê su, Các Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội...” “Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”⁽¹¹⁾.

Hồ Chí Minh luôn nhìn thấy ở các tôn giáo những giá trị đạo đức, nhân văn cao đẹp có thể song hành với việc xây dựng xã hội mới. Người khéo hướng lí tưởng của các tôn giáo vào mục tiêu giải phóng dân tộc và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, một số thế lực trong nước và ngoại bang lợi dụng vấn đề tôn giáo để chia rẽ đoàn kết dân tộc. Ngay sau khi đọc *Tuyên ngôn độc lập* ở Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, ngày 03/9/1945, Chính phủ Lâm thời họp phiên đầu tiên, một trọng sáo nhiệm vụ cấp bách được Hồ Chí Minh nêu ra là đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết.

Khi nhận thấy có sự chia rẽ sâu sắc có thể gây nguy hại đến khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đã đích thân đến Phát Diệm mời Giám mục Lê Hữu Từ (Giám mục Đại diện Tông Tòa Hạt Đại diện Tông Tòa Phát Diệm) làm Cố vấn tối cao của Chính phủ. Giám mục Lê Hữu Từ và cựu hoàng Bảo Đại là 2 vị cố vấn tối cao của Chính phủ. Không những vậy, Hồ Chí Minh còn giao Linh mục Phạm Bá Trực (khi ấy là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội) vào Phát Diệm thông báo ý kiến của Chính phủ và của Hồ Chí Minh về việc giao toàn bộ quận Kim Sơn, Ninh Bình cho Cố vấn tối cao Lê Hữu Từ cai quản - một việc làm với mục đích xây dựng tình đoàn kết tôn giáo và đập tan các luận điệu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Cả cuộc đời, Hồ Chí Minh đã phấn đấu hết mình cho đoàn kết và hiểu biết giữa những người có đạo và không có đạo. Người nói: “Nước Phật ngày xưa có những 4 đảng phái làm ly tán lòng dân và hại Tổ quốc. Nhưng nước Việt Nam ngày nay chỉ có đảng phái là toàn dân quyết tâm giành độc lập. Tín đồ Phật giáo tin ở Phật; tín đồ Giatô tin ở Đức Chúa Trời; cũng như chúng ta tin ở đạo Không... Nhưng đối với dân, ta đừng có làm gì trái ý dân. Dân muốn gì, ta phải làm nấy”⁽¹²⁾.

Cách đây 50 năm, trước khi đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại bản *Di chúc* bất hủ. Trong bản *Di chúc* lịch sử này, Hồ Chí Minh - bằng tấm lòng nhân ái bao la (bằng “nỗi lo muôn mối như lòng mẹ/ Cho hôm nay và cho mai sau) (Tổ Hữu) đã dặn dò, lo lắng, bao quát hết mọi công việc của Đảng và đất nước, quan tâm đến tất cả mọi người trong xã hội, trong đó có cả những người là “nạn nhân của chế độ xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu”⁽¹³⁾. Những lời căn dặn thiết tha của Người, đặc biệt những lời căn dặn về quan tâm đến tất cả mọi người trong xã hội, bất kể họ là ai khắc họa rõ nét và trọn vẹn nhất tư tưởng nhân ái, khoan dung Hồ Chí Minh.

Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “Đầu tiên là công việc đối với con người. Đối với những người đã dùng cảm hy sinh một phần xương máu của mình ... Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”. Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỉ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta. Đối với cha mẹ, vợ con (thương binh, liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương... phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét. Những chiến sĩ trẻ tuổi... được rèn luyện trong chiến đấu... cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành các nghề, để đào tạo thành những cán bộ công nhân có kĩ thuật giỏi... Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ

trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo... Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu... thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện...”⁽¹⁴⁾.

Hồ Chí Minh không chỉ là nhà tư tưởng, mà còn là nhà thực hành tư tưởng vĩ đại. Tướng Valuy, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Việt Nam giai đoạn 1947 - 1948 đã đánh giá về Hồ Chí Minh: “Hoàn toàn xả thân vì nhiệm vụ, không một chút lợi riêng tư. Trong ánh mắt những người xung quanh và người đối thoại, Hồ Chí Minh là người vô cùng đức độ”⁽¹⁵⁾. Giáo sư Trần Văn Giàu trong bài viết *Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh* khẳng định: “Lòng nhân ái Hồ Chí Minh sâu thẳm như biển cả, nhưng đồng thời lại thiết thực như hạt gạo, hạt muối. Ngày nay, ai cũng có thể thấy Bác Hồ yêu trẻ, kính già, trọng phụ nữ”⁽¹⁶⁾.

Trong bài phát biểu tại Hội thảo kỉ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, tiến sĩ ModagatAhmed, Giám đốc khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO, đã phát biểu: “Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một người trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”⁽¹⁷⁾.

3. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam trong vấn đề hòa hợp dân tộc

Ngày nay, tư tưởng khoan dung của Người đã tiếp tục được vận dụng góp phần thực hiện đại đoàn kết và hòa hợp dân tộc. Hòa hợp, hòa giải dân tộc không chỉ là sách lược, mà là chủ trương nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam. “Lưỡi gươm cắt đất ngăn miền” (*Ba mươi năm đời ta có Đảng* - Tổ Hữu) không chỉ chia đôi đất nước mà còn chia cắt cả lòng người, len lỏi vào từng gia đình của người dân Việt Nam. Chúng ta

không phủ nhận do điều kiện khách quan lịch sử, có lúc hòa hợp và hòa giải vẫn tiến triển chậm và gặp nhiều khó khăn. Thế nhưng, xuất phát từ nỗi đau mất mát do chiến tranh gây ra, nên ngay từ rất sớm, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã quan tâm và ban hành những chủ trương, chính sách nhằm thực hiện hòa hợp và hòa giải dân tộc.

Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị đã khẳng định: “Xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử do quá khứ hay thành phần giai cấp; xây dựng tinh thần cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai. Mọi người Việt Nam, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội, lý do ra nước ngoài, mong muốn góp phần thực hiện mục tiêu trên đều được tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc”⁽¹⁸⁾.

Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về *phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*, nhấn mạnh: “Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai”⁽¹⁹⁾.

Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 19/5/2015 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về *công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới* đã khẳng định: “Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam (...) Ủng hộ và khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài tôn trọng pháp luật và hội nhập vào xã hội nước sở tại, nơi bà con sinh sống. Phối hợp chặt chẽ với các nước có người Việt Nam sinh sống nhằm hỗ trợ bà con có địa vị pháp lý vững chắc, bảo đảm cuộc sống lâu dài ở nơi cư trú...”⁽²⁰⁾.

Đại hội lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định các quan điểm, chủ trương về đoàn kết, hòa hợp dân tộc: “Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn

lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước”⁽²¹⁾.

Cùng với những chủ trương, chính sách nhất quán về hòa hợp dân tộc, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã và đang nỗ lực để những chủ trương, chính sách này nhanh chóng đi vào cuộc sống bằng nhiều việc làm cụ thể và thiết thực. Ngay sau khi Nghị quyết số 36-NQ/TW được ban hành, Chính phủ, Bộ Ngoại giao và nhiều bộ, ngành, địa phương khác đã đề ra chương trình hành động để triển khai, khẩn trương đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Qua đó tạo nên xung lực quan trọng trong việc gắn kết hoạt động của các cơ quan chức năng với công tác vận động kiều bào, như Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36 - NQ/TW của Bộ Chính trị về *công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*, Ban hành kèm theo Quyết định số 110/2004/QĐ-TTg ngày 23/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ với rất nhiều nội dung chính: từ công tác thông tin, tuyên truyền; các biện pháp, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, hội nhập vào đời sống xã hội nước sở tại; tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài gắn bó hơn nữa với quê hương, đất nước; phát huy tiềm năng tri thức của người Việt Nam ở nước ngoài; phát huy tiềm năng của người Việt Nam ở nước ngoài trong hợp tác kinh tế, đầu tư, kinh doanh...

Bộ Ngoại giao cũng ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về *công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*, Ban hành kèm theo Quyết định số 1912- QĐ/BNG, ngày 01/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao với nhiều nội dung cụ thể, thiết thực. Nhiều chủ trương, chính sách đã được ban hành theo hướng tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho người Việt Nam ở nước ngoài trên các lĩnh vực: xuất nhập cảnh, cư trú, hồi hương, quốc tịch, hộ tịch, về đầu tư kinh doanh; về quyền được mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Quy chế

miễn thị thực cho người Việt Nam ở nước ngoài (tháng 9/2007); Luật Quốc tịch (sửa đổi) tạo điều kiện cho người Việt Nam ở nước ngoài có thể giữ quốc tịch Việt Nam trong khi mang quốc tịch nước khác (tháng 11/2008); Luật sửa đổi Điều 121 Luật Đất đai và Điều 126 Luật Nhà ở mở rộng thêm đối tượng và quyền cho kiều bào được mua và sở hữu nhà ở trong nước (tháng 6/2009)... Các hoạt động tập hợp, vận động, gắn kết kiều bào ở trong và ngoài nước ngày càng có nội dung phong phú và hình thức đa dạng hơn như tổ chức các đoàn kiều bào tiêu biểu về thăm đất nước dịp Quốc khánh, Quốc giỗ Vua Hùng, trại hè cho thanh niên, sinh viên kiều bào... Nổi bật trong thời gian gần đây là các chương trình Xuân quê hương, người Việt ở nước ngoài với chủ quyền biển, đảo.

Kết luận

Liên hợp quốc đã chọn năm 1995 là năm Quốc tế về khoan dung. Trong “*Tuyên ngôn những nguyên lý về khoan dung*” được thông qua và công bố ngày 16/11/1995, Liên hợp quốc đã định nghĩa: “*Khoan dung là tôn trọng, thừa nhận và đánh giá tính phong phú, đa dạng của các nền văn hóa trong thế giới chúng ta. Khoan dung là hài hòa trong khác biệt. Nó không chỉ là một nghĩa vụ thuộc lĩnh vực đạo đức mà còn là một sự cần thiết về chính trị và pháp lý*”. Hiện nay, trên thế giới, các tranh chấp, xung đột, nhất là xung đột về sắc tộc, tôn giáo, vẫn diễn ra hết sức gay gắt, mà nguyên nhân chính yếu là tham vọng và không hiểu lẫn nhau. Thế giới đang rất cần một ý tưởng chung để mọi người, mọi dân tộc hiểu nhau và chung sống với nhau trong hòa bình.

Đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng với quốc tế, trong hành trang mà dân tộc Việt Nam mang theo chắc chắn có nhiều giá trị tinh thần, trong đó có cả giá trị tinh thần cao đẹp từ tư tưởng nhân ái, khoan dung Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng quốc tế hiện nay, tư tưởng khoan dung của Hồ Chí Minh sẽ mãi là biểu tượng của truyền thống hòa bình, hòa hiếu, hữu nghị của đất nước và dân tộc Việt Nam mà nhà thơ nổi tiếng người Nga Ôxip Mandenxtam gọi đó là “*nền văn hóa của tương lai*” □

(1) Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nhà xuất bản Thời Đại, Hà Nội, 2011, tr.318

(2) Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, 2002, tr.318

(3) Lê Quý Đôn, *Đại Việt Thông sử*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.70

(4) Phan Huy Lê, “*Đại thắng Thăng Long xuân Kỷ Dậu - 1789*”, Văn hóa Việt Nam tổng hợp, Ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương, Hà Nội, 1989, tr.52

(5) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.287

(6), (8), (9) và (12) Hồ Chí Minh, *Sđd*, tập 4, tr.64, 280-281, 510 và 169

(7) Hồ Chí Minh, *Sđd*, tập 6, tr.130

(10) Phạm Bình Minh, “*Chủ tịch Hồ Chí Minh: Sự kết hợp hài hòa giữa danh nhân văn hóa và nhà ngoại giao*”, Cổng Thông tin điện tử Bộ Ngoại giao, http://www.mofahcm.gov.vn/en/mofa/bng_vietnam/nr150526110835/ns150624090831/newsitem_print_preview, 2015

(11) Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*, (xuất bản lần thứ hai, có bổ sung), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.152

(13) và (14) Hồ Chí Minh, *Sđd*, tập 15, tr.617 và 616 - 617

(15) Trần Quân Ngọc, *Bác Hồ với bạn bè quốc tế*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2013

(16) Phan Văn Hoàng, *Hồ Chí Minh, chân dung và di sản*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018

(17) Cổng thông tin tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, https://thehehochiminh.wordpress.com/2009/12/08/phbieugiampo-cunescochauatbd_hoitao1990/

(18) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*

(19) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh Đại đoàn kết dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*

(20) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chỉ thị số 45 - CT/TW, ngày 19/5/2015 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36 - NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới*

(21) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.158 - 159